

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2025

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Minh Phượng

Bà Phan Thị Thuận Nhi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-TA ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; nơi thường trú: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú (tại thời điểm làm đơn khởi kiện): thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ hiện nay: 191/10 T, phường L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn H1, sinh năm 1988; nơi thường trú: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện nay: số D, đường C, ngõ V, thành phố N, huyện N, Đà Loan. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2012, quyền số 01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Năm 2022, ông Phan Văn H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hai bên không còn liên lạc với nhau. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Về quan hệ con chung: Bà và ông Phan Văn H1 có 02 con chung: Phan Văn T - sinh ngày 23/6/2012 và Phan Thị Quỳnh N - sinh ngày 23/6/2014. Ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Phan Văn H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung nợ chung: Bà và ông Phan Văn H1 không có tài sản chung và nợ chung.

** Bị đơn ông Phan Văn H1 không có lời khai tại hồ sơ vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị H; nơi thường trú: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú (tại thời điểm làm đơn khởi kiện): thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ hiện nay: 191/10 T, phường L, thành phố Đà Nẵng và ông Phan Văn H1; nơi thường trú: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện nay: Số D, đường C, ngõ V, thành phố N, huyện N, Đài Loan, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ngày 05/02/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số: 85/CV-TA về việc phối hợp tổng đạt văn bản tố tụng và lấy lời khai của đương sự ở nước ngoài.

Ngày 01/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Công điện số: 703-2025/CD-LS ngày 27/3/2025 của Văn phòng K tại Đ có nội dung: Văn phòng K tại Đ đã nhận được hồ sơ và thực hiện tổng đạt theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên cho đến nay, Văn phòng chưa nhận được phản hồi nào.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Phan Văn H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn H1 có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị H xác nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2022 đến nay, ông

H1 không còn quan tâm đến bà và các con. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H thì thấy: Từ năm 2022 đến nay, bà H và ông H1 mỗi người sống mỗi nơi, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông Phan Văn H1, nhưng đến nay ông H1 không có ý kiến về việc bà H yêu cầu ly hôn với ông. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Bà xác định: Bà và ông Phan Văn H1 có 02 con chung là : Phan Văn T - sinh ngày 23/6/2012 và Phan Thị Quỳnh N - sinh ngày 23/6/2014. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông H1 không có ý kiến về việc nuôi con chung. Mặc dù nguyện vọng của cháu Phan Văn T là được ở với ông H1, nhưng xét thấy ông H1 hiện nay không có mặt tại Việt Nam, nên HĐXX xét thấy cần xử giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái luật, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này. Ly hôn, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có, ông H1 chưa có lời khai về nội dung này, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003837 ngày 10/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

[5] Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: 200.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu, được khấu trừ vào 200.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0003961 ngày 13/02/2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 227; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 80, 81, 82, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phan Văn H1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Văn H1.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung: Phan Văn T - sinh ngày 23/6/2012 và Phan Thị Quỳnh N - sinh ngày 23/6/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phan Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003837 ngày 10/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng). Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: 200.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu, được khấu trừ vào 200.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0003961 ngày 13/02/2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng). Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Phan Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND xã Nghĩa Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

